

**BAN CHỈ ĐẠO CẢI CÁCH  
HÀNH CHÍNH CỦA CHÍNH PHỦ**

**BÁO CÁO TÓM TẮT**

**Kết quả Chỉ số cải cách hành chính năm 2021 của các bộ, cơ quan  
ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương  
(PAR INDEX 2021)**

*(Tài liệu Hội nghị công bố Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính năm 2021  
và Chỉ số cải cách hành chính năm 2021)*



**I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN**

**1. Công tác tự đánh giá và thẩm định**

Năm 2021, các bộ, tỉnh tiếp tục thực hiện đánh giá, xác định Chỉ số CCHC theo quy định tại Quyết định số 1149/QĐ-BNV ngày 30/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ phê duyệt Đề án “Xác định Chỉ số CCHC của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương” và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Triển khai Kế hoạch xác định Chỉ số CCHC năm 2021 (Quyết định số 838/QĐ-BNV ngày 28/7/2021), ngày 30/12/2021, Bộ Nội vụ đã tổ chức Hội nghị trực tuyến toàn quốc để tập huấn nghiệp vụ đánh giá, chấm điểm và điều tra xã hội học cho các bộ, tỉnh; ban hành các văn bản hướng dẫn các bộ, tỉnh triển khai công tác xác định Chỉ số CCHC năm 2021, trong đó, đã đổi mới phương thức tổ chức triển khai một số nội dung cho phù hợp với điều kiện thực tiễn, nhất là trong bối cảnh dịch bệnh COVID-19 có những diễn biến phức tạp; đồng thời, xác định rõ nhiệm vụ, thời gian và trách nhiệm của các bộ, tỉnh trong quá trình triển khai công tác xác định Chỉ số CCHC năm 2021. Căn cứ hướng dẫn của Bộ Nội vụ, các bộ, tỉnh đã triển khai, hoàn thành việc rà soát số liệu thống kê, tổng hợp tài liệu kiểm chứng để thực hiện đánh giá, tự chấm điểm xác định Chỉ số CCHC năm 2021, phê duyệt báo cáo và gửi dữ liệu kết quả tự đánh giá đến Bộ Nội vụ qua phần mềm Quản lý chấm điểm Chỉ số CCHC.

Căn cứ kết quả tự đánh giá của các bộ, tỉnh, Bộ Nội vụ đã phân công các bộ, cơ quan là thành viên Hội đồng thẩm định triển khai thẩm định kết quả tự đánh giá đối với từng lĩnh vực, tiêu chí thuộc chức năng, nhiệm vụ của bộ, cơ quan. Công tác thẩm định được tiến hành 02 vòng (tiến hành từ ngày 28/2 - 28/3/2022), có sự phối hợp chặt chẽ, thống nhất trong các thành viên Hội đồng thẩm định, bảo đảm tính chính xác, khách quan, công bằng trong đánh giá, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi để các bộ, tỉnh thuộc đối tượng đánh giá rà soát, bổ sung nội dung giải trình và các tài liệu kiểm chứng về kết quả thẩm định đối với các tiêu chí, tiêu chí thành phần.

Trên cơ sở kết quả đã được rà soát, thẩm định kỹ lưỡng, ngày 22/4/2022,

Hội đồng thẩm định đã họp đánh giá tình hình triển khai và thống nhất thông qua kết quả Chỉ số cải cách hành chính năm 2021 của các bộ, cơ quan ngang bộ và UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

## 2. Công tác tổ chức điều tra xã hội học (XHH)

- Phương thức tổ chức điều tra XHH xác định Chỉ số CCHC năm 2021 có nhiều đổi mới mang tính đột phá với việc đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong các hoạt động khảo sát, tổng hợp, phân tích dữ liệu khảo sát các nhóm đối tượng. Theo đó, Bộ Nội vụ đã xây dựng Hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin đánh giá CCHC và đo lường sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước và tiến hành khảo sát trực tuyến, với các phiếu khảo sát điện tử được gửi đến địa chỉ hộp thư của từng đối tượng trả lời phiếu. Sau khi các phiếu khảo sát được trả lời, hoàn thành và gửi về hệ thống, hệ thống sẽ tổng hợp và tính ra kết quả điểm của từng tiêu chí, tiêu chí thành phần tương ứng với các câu hỏi trong phiếu; điểm của các tiêu chí đánh giá qua khảo sát được tính, cập nhật theo thời gian thực trong suốt thời gian khảo sát.

- Theo kết quả, Bộ Nội vụ đã tiến hành khảo sát và nhận được trên Hệ thống là **hơn 49.600** phiếu của công chức, lãnh đạo, quản lý các cấp để phục vụ xác định Chỉ số CCHC năm 2021 của các bộ, tỉnh; số phiếu thu được cao gấp **2,25** lần so với năm 2020 (chỉ có khoảng 22.000 phiếu), cụ thể như sau:

+ Cấp bộ có **22.853** phiếu, gồm các đối tượng khảo sát: (1) Lãnh đạo cấp Vụ/Cục/Tổng cục; (2) Công chức phụ trách cải cách hành chính; (3) Lãnh đạo cấp sở tại 63 tỉnh, thành phố đánh giá về cải cách hành chính của bộ chủ quản; (4) Lãnh đạo phòng thuộc cơ quan chuyên môn cấp tỉnh của 63 tỉnh, thành phố đánh giá về cải cách hành chính của bộ chủ quản; (5) Lãnh đạo hội, hiệp hội đánh giá các Bộ quản lý nhà nước về lĩnh vực chính của hội, hiệp hội.

+ Cấp tỉnh có **27.752** phiếu, gồm các đối tượng khảo sát: (1) Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh; (2) Lãnh đạo cấp sở; (3) Lãnh đạo phòng thuộc cơ quan chuyên môn cấp tỉnh; (4) Lãnh đạo cấp huyện.

- Bên cạnh đó, Bộ Nội vụ đã phối hợp với Tổng công ty Bưu điện Việt Nam và các cơ quan liên quan thực hiện khảo sát gần **30.000** người dân, doanh nghiệp tại 63 tỉnh, thành phố để phục vụ xác định Chỉ số hài lòng đối với sự phục vụ hành chính (SIPAS) năm 2021; đồng thời, kết quả khảo sát người dân, doanh nghiệp cũng được sử dụng trong một số tiêu chí để tính điểm, đánh giá trong Chỉ số CCHC năm 2021 của các tỉnh, thành phố theo quy định tại Quyết định số 1149/QĐ-BNV. Như vậy, tổng số phiếu khảo sát các nhóm đối tượng phục vụ xác định Chỉ số CCHC năm 2021 là trên **79.600** phiếu.

## II. KẾT QUẢ CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH - PAR INDEX 2021

### 1. Kết quả PAR INDEX 2021 của các bộ, cơ quan ngang bộ

Xếp hạng	Các bộ, cơ quan ngang bộ	Điểm thẩm định	Điểm điều tra XHH	Tổng điểm đạt được	Chỉ số PAR INDEX 2021
1.	Bộ Tư pháp	62.76	29.14	91.90	<b>91.90</b>
2.	Bộ Tài chính	62.10	29.61	91.71	<b>91.71</b>
3.	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	60.82	29.55	90.37	<b>90.37</b>
4.	Bộ Nội vụ	60.27	28.29	88.56	<b>88.56</b>
5.	Bộ Ngoại giao	59.64	28.36	88.00	<b>88.00</b>
6.	Bộ Tài nguyên và Môi trường	60.76	26.38	87.14	<b>87.14</b>
7.	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	60.07	26.80	86.87	<b>86.87</b>
8.	Bộ Xây dựng	59.86	26.98	86.84	<b>86.84</b>
9.	Bộ Thông tin và Truyền thông	58.76	27.99	86.75	<b>86.75</b>
10.	Bộ Giao thông vận tải	59.64	26.90	86.54	<b>86.54</b>
11.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	59.44	27.09	86.53	<b>86.53</b>
12.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	56.92	27.60	84.52	<b>84.52</b>
13.	Bộ Công Thương	57.76	26.20	83.96	<b>83.96</b>
14.	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	54.88	28.67	83.55	<b>83.55</b>
15.	Bộ Y Tế	54.91	25.76	80.67	<b>80.67</b>
16.	Bộ Giáo dục và Đào tạo	54.30	26.31	80.61	<b>80.61</b>
17.	Bộ Khoa học và Công nghệ	53.32	25.40	78.72	<b>78.72</b>
<i>Trung bình</i>					<b>86.07</b>

- Kết quả Chỉ số CCHC năm 2021 các bộ, cơ quan ngang bộ được phân loại gồm 03 nhóm điểm:

+ Kết quả Chỉ số CCHC trên 90%, bao gồm 03 đơn vị: Bộ Tư pháp; Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

+ Kết quả Chỉ số CCHC từ trên 80% đến dưới 90%, bao gồm 13 đơn vị: Bộ Nội vụ; Bộ Ngoại giao; Bộ Tài nguyên và Môi trường; Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Bộ Xây dựng; Bộ Thông tin và Truyền thông; Bộ Giao thông vận tải; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Công Thương; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Y tế và Bộ Giáo dục và Đào tạo.

+ Kết quả Chỉ số CCHC dưới 80% có 01 đơn vị là Bộ Khoa học và Công nghệ với giá trị Chỉ số CCHC là 78.72%.

- Giá trị trung bình Chỉ số CCHC của 17 bộ, cơ quan ngang bộ năm 2021

là 86.07%, giảm 1.49% so với năm 2020 (đạt 87.56%), tuy nhiên, xét trong 10 năm đánh giá thì kết quả Chỉ số CCHC tiếp tục duy trì xu hướng tăng, giá trị trung bình Chỉ số CCHC năm 2021 đã tăng cao hơn 10.69% so với năm 2012. Theo thống kê, có 11/17 bộ, cơ quan đạt Chỉ số CCHC trên mức giá trị trung bình; 06/17 bộ, cơ quan có kết quả Chỉ số CCHC tăng cao hơn so với năm 2020, tăng cao nhất là Bộ Nội vụ (+2.20%); trong số các bộ có kết quả Chỉ số CCHC giảm so với năm 2020, giảm nhiều nhất là Bộ Khoa học và Công nghệ (-6.43%). Theo đánh giá, Bộ Tư pháp đứng đầu bảng xếp hạng Chỉ số CCHC năm 2021, với kết quả đạt 91.90%; trong khi đó, Bộ Khoa học và Công nghệ là đơn vị có kết quả Chỉ số CCHC năm 2021 thấp nhất, đạt 78.72%.

- Phân tích giá trị trung bình các chỉ số thành phần, cho thấy: 3/7 chỉ số thành phần có giá trị trung bình tăng cao hơn so với năm 2020, tăng cao nhất là Chỉ số thành phần “Xây dựng và tổ chức thực hiện thể chế thuộc phạm vi QLNN của bộ” (+1.58%); 4/7 chỉ số thành phần có giá trị trung bình giảm so với năm 2020, giảm thấp nhất là Chỉ số thành phần “Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức”.

+ Chỉ số thành phần “Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC” đạt 96.31%, cao hơn 1.17% so với năm 2020 (đạt 95.14%); 06/17 bộ đạt 100% số điểm tại Chỉ số thành phần này (năm 2020 và 2019 có lần lượt 4 và 9 đơn vị).

+ Chỉ số thành phần “Xây dựng và tổ chức thực hiện thể chế thuộc phạm vi QLNN của Bộ” đạt 81.35%, tăng cao hơn 1.58% so với năm 2020. Năm qua, với sự chỉ đạo, điều hành quyết liệt của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, cơ quan đã đạt được nhiều kết quả tích cực trong việc xây dựng VBQPPL; trong theo dõi thi hành pháp luật, rà soát VBQPPL, trả lời kiến nghị, đề xuất của cá nhân, tổ chức để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc liên quan đến thể chế, chính sách thuộc phạm vi quản lý của bộ, đặc biệt là đánh giá tác động của cải cách đến thể chế, cơ chế, chính sách thuộc QLNN của bộ.

+ Chỉ số thành phần “Cải cách TTHC” có giá trị trung bình là 85.96%, giảm 3.76% so với năm 2020; 10/17 bộ đạt tỷ lệ điểm đánh giá chưa cao về thực hiện công tác kiểm soát quy định TTHC; 06/17 bộ chưa đạt điểm tối đa về công tác tiếp nhận, xử lý PAKN của cá nhân, tổ chức về quy định TTHC. Bên cạnh đó, tỷ lệ điểm đánh giá của Tiêu chí “Tác động của cải cách đến chất lượng quy định TTHC” chỉ đạt 70.12%, giảm 6.07% so với năm 2020 (đạt 76.19%).

+ Chỉ số thành phần “Cải cách tổ chức bộ máy hành chính” giảm 1.4%, từ 82.58% của năm 2020 xuống còn 81.18% năm 2021; chỉ có 9/17 bộ đạt tỷ lệ điểm tối đa tại Tiêu chí “Thực hiện quy định của Chính phủ về tổ chức bộ máy”; tỷ lệ điểm đánh giá tác động của cải cách đến tổ chức bộ máy hành chính chỉ đạt 69.61%, thấp hơn 8.71% so với năm 2020.

+ Chỉ số thành phần “Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức” giảm 4.4%, từ 89.51% của năm 2020 xuống còn 85.11% của năm 2021; 08/17 bộ không đạt tỷ lệ điểm số tối đa tại Tiêu chí “Đánh giá phân loại công chức, viên chức”; 02 bộ không đạt điểm tối đa tại Tiêu chí “Thực hiện quy định về bổ nhiệm vị trí lãnh đạo tại các đơn vị thuộc bộ”. Giá trị trung bình

của 02 tiêu chí “Tác động của cải cách đến quản lý công chức, viên chức” và “Tác động của cải cách đến chất lượng đội ngũ công chức của bộ” đều giảm so với năm 2020, với giá trị giảm lần lượt là 7.48% và 6.18%.

+ Chỉ số thành phần “Cải cách tài chính công” có giá trị trung bình giảm 3.02%, từ 87.96% năm 2020 giảm xuống còn 84.94% năm 2021; chỉ có 01 bộ đạt tỷ lệ 100% số điểm tại Tiêu chí “Tổ chức thực hiện công tác tài chính - ngân sách”; 09/17 bộ không đạt tỷ lệ 100% số điểm tại Tiêu chí “Công tác quản lý, sử dụng tài sản công”. Giá trị trung bình của Tiêu chí “Tác động của cải cách đến quản lý tài chính công” giảm 9.33% so với năm 2020 (đạt 90.33%).

+ Chỉ số thành phần “Hiện đại hóa hành chính” có giá trị trung bình đạt 90.83%, tăng cao hơn 0.29% so với năm 2020 (đạt 90.54%); tiếp tục duy trì sự tăng trưởng đều trong giai đoạn 2016 - 2021. Các bộ tiếp tục đạt tỷ lệ điểm số cao tại Tiêu chí “Cung cấp DVCTT” với 13/17 bộ đạt tỷ lệ 100% số điểm của tiêu chí và “Thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ BCCI” với 16/17 bộ đạt tỷ lệ điểm số tối đa. Giá trị trung bình của Tiêu chí “Ứng dụng công nghệ thông tin của bộ” đạt 95.01%, tăng 6.54% so với năm 2020.

## 2. Kết quả PAR INDEX 2021 các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Xếp hạng	Tỉnh, thành phố	Điểm thẩm định (Tối đa 60.50)	Điểm đánh giá tác động của CCHC			Tổng điểm đạt được (Tối đa 100)	Chỉ số tổng hợp (Par Index 2021)
			Chỉ số SIPAS (Tối đa 10.00)	Khảo sát lãnh đạo, quản lý (Tối đa 23.50)	Tác động đến PT KTXH (Tối đa: 6.00)		
1	Hải Phòng	58.87	9.34	19.33	4.25	91.80	<b>91.80</b>
2	Quảng Ninh	58.20	9.41	18.33	5.20	91.14	<b>91.14</b>
3	Đà Nẵng	57.68	8.68	17.89	6.00	90.25	<b>90.25</b>
4	Thừa Thiên Huế	58.18	8.86	18.28	4.00	89.32	<b>89.32</b>
5	Vĩnh Phúc	57.00	8.70	19.08	4.50	89.28	<b>89.28</b>
6	Thái Nguyên	56.76	8.94	19.19	4.30	89.20	<b>89.20</b>
7	Bắc Giang	58.51	9.00	18.88	2.25	88.65	<b>88.65</b>
8	Hà Tĩnh	57.68	9.12	18.11	3.70	88.61	<b>88.61</b>
9	Phú Thọ	56.29	8.93	19.24	4.13	88.59	<b>88.59</b>
10	Hà Nội	57.48	8.71	17.85	4.50	88.54	<b>88.54</b>
11	Lào Cai	56.67	8.51	19.07	4.20	88.44	<b>88.44</b>
12	Hưng Yên	56.38	9.21	18.10	4.65	88.34	<b>88.34</b>
13	Bình Dương	56.45	8.78	18.14	4.50	87.87	<b>87.87</b>
14	Thanh Hóa	55.92	8.77	18.30	4.84	87.83	<b>87.83</b>
15	Sơn La	56.86	9.01	18.74	3.00	87.62	<b>87.62</b>
16	Bà Rịa-Vũng Tàu	59.19	8.73	17.69	2.00	87.61	<b>87.61</b>
17	Nghệ An	55.66	8.69	18.24	5.00	87.59	<b>87.59</b>
18	Sóc Trăng	56.27	8.95	19.32	3.00	87.54	<b>87.54</b>
19	Hải Dương	55.28	9.20	19.89	3.00	87.38	<b>87.38</b>
20	Ninh Bình	57.33	8.93	18.54	2.50	87.29	<b>87.29</b>
21	Yên Bái	55.03	8.93	18.49	4.79	87.24	<b>87.24</b>
22	Long An	57.83	8.65	18.72	2.00	87.20	<b>87.20</b>

Xếp hạng	Tỉnh, thành phố	Điểm thăm	Điểm đánh giá tác động của CCHC			Tổng điểm đạt được	Chỉ số tổng hợp
23	Lạng Sơn	56.31	8.72	17.31	4.78	87.11	<b>87.11<sup>1</sup></b>
24	Điện Biên	54.64	8.72	20.75	3.00	87.11	<b>87.11<sup>2</sup></b>
25	Hòa Bình	55.33	8.69	19.05	4.00	87.06	<b>87.06</b>
26	Đồng Tháp	58.67	8.95	18.18	1.00	86.80	<b>86.80</b>
27	Hậu Giang	55.62	8.46	19.69	3.00	86.77	<b>86.77<sup>3</sup></b>
28	Hà Giang	56.17	8.86	17.73	4.00	86.77	<b>86.77<sup>4</sup></b>
29	Lâm Đồng	57.36	8.77	18.63	2.00	86.75	<b>86.75</b>
30	Bình Định	55.81	8.76	18.13	4.00	86.70	<b>86.70</b>
31	Lai Châu	57.18	8.67	18.34	2.50	86.69	<b>86.69</b>
32	Bắc Ninh	55.50	9.01	18.16	4.00	86.67	<b>86.67</b>
33	Quảng Nam	56.68	8.41	17.49	4.00	86.58	<b>86.58</b>
34	Tuyên Quang	55.44	8.63	18.97	3.53	86.57	<b>86.57</b>
35	Ninh Thuận	55.43	8.87	19.25	3.00	86.55	<b>86.55</b>
36	Đắk Lắk	57.05	8.36	17.62	3.50	86.52	<b>86.52<sup>5</sup></b>
37	Bến Tre	55.92	8.72	17.88	4.00	86.52	<b>86.52<sup>6</sup></b>
38	Tây Ninh	57.87	8.46	17.13	3.00	86.46	<b>86.46</b>
39	Quảng Ngãi	56.12	8.45	17.88	4.00	86.45	<b>86.45</b>
40	Nam Định	56.19	8.46	18.06	3.69	86.40	<b>86.40</b>
41	Đắk Nông	54.97	8.57	17.71	5.00	86.26	<b>86.26</b>
42	Gia Lai	57.05	8.62	17.50	3.00	86.17	<b>86.17</b>
43	TP. Hồ Chí Minh	57.39	8.66	16.00	4.00	86.05	<b>86.05</b>
44	Bạc Liêu	55.03	8.70	18.18	4.00	85.92	<b>85.92</b>
45	Quảng Bình	54.12	8.34	18.36	4.99	85.81	<b>85.81</b>
46	Cà Mau	55.35	8.80	18.43	3.00	85.58	<b>85.58</b>
47	An Giang	57.66	8.61	17.95	1.00	85.22	<b>85.22</b>
48	Khánh Hòa	55.80	8.45	19.36	1.50	85.11	<b>85.11</b>
49	Bình Phước	55.91	8.33	17.79	3.00	85.02	<b>85.02</b>
50	Thái Bình	54.22	8.66	17.45	4.66	84.99	<b>84.99</b>
51	Cần Thơ	56.67	8.54	17.50	2.25	84.97	<b>84.97</b>
52	Trà Vinh	55.11	8.74	18.00	3.00	84.86	<b>84.86</b>
53	Quảng Trị	55.86	8.57	17.39	3.00	84.82	<b>84.82</b>
54	Bắc Kạn	55.32	8.83	17.04	3.50	84.69	<b>84.69</b>
55	Đồng Nai	54.56	8.95	16.32	3.50	83.33	<b>83.33</b>
56	Bình Thuận	54.98	8.31	16.97	3.00	83.26	<b>83.26</b>
57	Cao Bằng	54.78	8.29	16.82	3.00	82.89	<b>82.89</b>
58	Vĩnh Long	54.77	8.70	17.35	2.00	82.82	<b>82.82</b>
59	Kon Tum	54.09	8.63	16.73	3.00	82.45	<b>82.45</b>
60	Hà Nam	52.07	8.82	17.62	3.00	81.51	<b>81.51</b>
61	Phú Yên	53.27	8.44	16.71	3.00	81.41	<b>81.41</b>
62	Tiền Giang	54.42	8.54	17.41	0.00	80.37	<b>80.37</b>
63	Kiên Giang	50.67	8.39	18.91	2.00	79.97	<b>79.97</b>
<b>Trung bình</b>		<b>56.08</b>	<b>8.72</b>	<b>18.15</b>	<b>3.42</b>	<b>86.37</b>	<b>86.37</b>

<sup>1</sup> Giá trị tuyệt đối của tỉnh Lạng Sơn là 87.1146

<sup>2</sup> Giá trị tuyệt đối của tỉnh Điện Biên là 87.1105

<sup>3</sup> Giá trị tuyệt đối của tỉnh Hậu Giang là 86.7725

<sup>4</sup> Giá trị tuyệt đối của tỉnh Hà Giang là 86.7657

<sup>5</sup> Giá trị tuyệt đối của tỉnh Đắk Lắk là 86.5246

<sup>6</sup> Giá trị tuyệt đối của tỉnh Bến Tre là 86.5190

- Kết quả Chỉ số CCHC 2021 của các tỉnh, thành phố được phân theo 3 nhóm:
- + Nhóm A, đạt kết quả Chỉ số từ 90% trở lên, gồm 03 tỉnh, thành phố.
- + Nhóm B, đạt kết quả Chỉ số từ 80% - dưới 90%, gồm 59 tỉnh, thành phố.
- + Nhóm C, đạt kết quả Chỉ số từ 70% - dưới 80%, gồm 01 tỉnh, thành phố.

- Năm 2021, Chỉ số CCHC 2021 của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có giá trị trung bình cao nhất từ trước đến nay, đạt 86.37%, cao hơn 2.65% so với năm 2020 (đạt 83.72%) và có năm thứ 3 liên tiếp đạt giá trị trung bình trên 80%; 40/63 đơn vị đạt kết quả Chỉ số CCHC cao hơn mức giá trị trung bình; 62 địa phương đạt kết quả Chỉ số CCHC trên 80%, nhiều hơn các năm 2020 và 2019 lần lượt là 4 và 18 đơn vị. Khoảng cách chênh lệch kết quả Chỉ số giữa đơn vị cao nhất và thấp nhất tiếp tục duy trì xu hướng giảm trong 5 năm gần đây, năm 2021 khoảng cách này là 11.83%, giảm 5.96% so với năm 2020 (17.79%). Có 60 tỉnh, thành phố đạt kết quả Chỉ số CCHC tăng cao hơn năm 2020; tăng cao nhất là tỉnh Quảng Ngãi (+13.20%), tăng thấp nhất là Đồng Tháp (+0.03%). Ngoài ra, vẫn còn 03 địa phương có kết quả Chỉ số CCHC giảm nhẹ so với năm 2020 là Đồng Nai (-0.49%), Tiền Giang (-0.51%) và Hà Nam (-1.94%).

- Theo kết quả xếp hạng Chỉ số CCHC năm 2021: Thành phố Hải Phòng lần đầu tiên bứt phá lên ngôi vị quán quân Chỉ số CCHC năm 2021, với kết quả đạt 91.80%, cao hơn 0.66% so với đơn vị xếp vị trí thứ 2 là Quảng Ninh (đạt 91.14%). Thành phố Đà Nẵng đã có sự trở lại ấn tượng trong top 5 địa phương dẫn đầu sau 2 năm vắng bóng ở nhóm này, năm 2021 đạt 90.25% xếp vị trí thứ 3/63; trong khi đó, Vĩnh Phúc cũng có lần đầu tiên lọt nhóm 5 địa phương dẫn đầu, với kết quả năm 2021 đạt 89.28%, xếp vị trí thứ 5/63. Ngoài ra, Thừa Thiên Huế tiếp tục duy trì được thành tích cao trên bảng xếp hạng, với kết quả Chỉ số CCHC đạt 89.32%, xếp vị trí thứ 4/63 tỉnh, thành phố. Đứng cuối bảng xếp hạng Chỉ số CCHC năm 2021 là tỉnh Kiên Giang, đạt 79.97% và là địa phương duy nhất có kết quả Chỉ số CCHC dưới 80%. Đây cũng là năm thứ 2 liên tiếp Kiên Giang nằm trong nhóm 5 địa phương có kết quả Chỉ số CCHC thấp nhất cả nước (năm 2020, đạt 77.91%, xếp vị trí thứ 61/63).

- So sánh giá trị trung bình Chỉ số CCHC giữa các vùng kinh tế: Năm 2021, tất cả 6 vùng kinh tế đều có giá trị trung bình Chỉ số CCHC tăng cao hơn so với năm 2020 và đều đạt giá trị trên 80%. Khu vực Đồng bằng sông Hồng có giá trị trung bình Chỉ số CCHC cao nhất so với các khu vực còn lại, đạt 87.58%. Xếp vị trí thứ 2 trong số các vùng kinh tế là khu vực Trung du - Miền núi phía Bắc, đạt 87.04%. Tiếp theo là khu vực Bắc Trung Bộ và Duyên hải Miền Trung đứng ở vị trí thứ 3, với kết quả đạt 86.45%, cao hơn 4.16% so với năm 2020 và cũng là khu vực có sự tăng trưởng cao nhất trong số 6 khu vực kinh tế. Xếp vị trí thứ 4 và thứ 5 lần lượt là khu vực Đông Nam Bộ, đạt 86.06% và Tây Nguyên, đạt 85.63%; kết quả đánh giá cũng chỉ ra, Đông Nam Bộ là khu vực có giá trị tăng trưởng thấp nhất trong số 6 khu vực kinh tế, chỉ tăng 1.12% so với năm 2020. Khu vực Tây Nam Bộ có giá trị trung bình Chỉ số CCHC thấp nhất, đạt 84.96%; đây cũng là khu vực có nhiều địa phương chịu ảnh hưởng nặng nề nhất đợt bùng phát dịch bệnh COVID-19 lần thứ 2 ở nước ta.

- Phân tích các chỉ số thành phần, cho thấy: Giá trị trung bình của các chỉ số thành phần tiếp tục thể hiện sự cải thiện tích cực trong năm 2021; 8/8 chỉ số thành phần đều có giá trị trung bình tăng cao hơn so với năm 2020; 7/8 chỉ số thành phần tăng trưởng liên tiếp trong 4 năm gần nhất, từ năm 2018 - 2021; số lượng chỉ số thành phần đạt giá trị trung bình trên 80% tiếp tục tăng cao, với năm 2021 là 7/8 chỉ số, trong khi đó, năm 2020 có 6/8 chỉ số và năm 2019 có 5/8 chỉ số.

+ Chỉ số thành phần “Cải cách TTHC” có giá trị trung bình cao nhất trong 8 chỉ số thành phần, đạt 95.15%. Xếp thứ 2 là Chỉ số thành phần “Công tác chỉ đạo điều hành CCHC”, đạt 92.34%, cao hơn 2.63% so với năm 2020.

+ Chỉ số thành phần "Hiện đại hóa hành chính" tiếp tục có sự cải thiện mạnh mẽ cả về điểm số và thứ hạng; năm 2021 Chỉ số thành phần này đạt 89.19%, cao hơn 4.04% so với năm 2020, xếp vị trí thứ 3/8 chỉ số thành phần. Chỉ số thành phần “Xây dựng và tổ chức thực hiện VBQPPL của tỉnh” tiếp tục thể hiện sự tăng trưởng bền vững, năm 2021 đạt giá trị trung bình là 89.14%, cao hơn 1.32% so với năm 2020, xếp vị trí thứ 4/8 chỉ số thành phần. Đứng ở vị trí thứ 5 là Chỉ số thành phần "Cải cách tổ chức bộ máy hành chính", đạt giá trị trung bình 86.28%, cao hơn 1.87% so với năm 2020. Chỉ số thành phần "Xây dựng và nâng cao chất lượng CBCCVC" đạt giá trị trung bình là 85.32%, xếp vị trí thứ 6/8 chỉ số thành phần.

+ Tiếp tục duy trì xếp hạng ở vị trí thứ 7 là Chỉ số thành phần “Cải cách tài chính công”, đạt 81.63%, cao hơn 3.29% so với năm 2020; đây là cũng là lần đầu tiên Chỉ số thành phần này đạt giá trị trung bình trên 80% kể từ năm 2016.

+ Chỉ số thành phần “Tác động của CCHC đến người dân, tổ chức và phát triển KT - XH của tỉnh” có giá trị trung bình đạt 75.92%, là năm thứ 2 liên tiếp đứng cuối bảng xếp hạng của 8 chỉ số thành phần đánh giá.

Nhìn chung, kết quả Chỉ số CCHC năm 2021 của các tỉnh, thành phố tiếp tục có sự tăng trưởng tích cực, cho thấy những nỗ lực, quyết tâm đầy mạnh cải cách hành chính của chính quyền các cấp ở địa phương đã mang lại hiệu quả rõ rệt, ngày càng được người dân, cộng đồng doanh nghiệp ghi nhận và đánh giá cao. Tuy nhiên, năm 2021, những nguyên nhân khách quan từ dịch bệnh COVID-19 đã ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả điểm, xếp hạng Chỉ số CCHC của một số địa phương, nhất là những tỉnh, thành phố hay khu vực kinh tế chịu ảnh hưởng nặng nề bởi dịch bệnh, phải thực hiện phong tỏa, giãn cách xã hội trong thời gian dài, dẫn đến việc thực hiện một số nhiệm vụ CCHC và thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội tại các địa phương, khu vực này bị gián đoạn, kết quả hoàn thành thấp hơn so với các địa phương, vùng kinh tế bị ảnh hưởng ít nghiêm trọng hơn. Do đó, kết quả điểm và xếp hạng Chỉ số CCHC năm 2021 cũng cho thấy có sự phân hóa khá rõ giữa các chỉ số thành phần; giữa các tỉnh, thành phố và giữa các khu vực kinh tế. Lĩnh vực nào hoặc địa phương, khu vực nào chịu tác động nghiêm trọng bởi dịch bệnh COVID-19 thì thường có kết quả Chỉ số CCHC thấp hơn so với phần còn lại.



### **III. KẾT LUẬN**

#### **1. Nhận xét đánh giá chung**

##### **1.1. Những kết quả đạt được**

Năm 2021, những nỗ lực cải cách hành chính của Chính phủ và các ngành, các cấp đã để lại nhiều dấu ấn đậm nét trên nhiều lĩnh vực; hàng loạt rào cản, khó khăn và thể chế, cơ chế, chính sách và nguồn lực đã được kịp thời chỉ đạo, tháo gỡ và giải quyết, nhất là những vấn đề cấp bách hỗ trợ người dân, doanh nghiệp chịu ảnh hưởng trực tiếp từ dịch bệnh COVID-19; đóng góp quan trọng vào thành tựu kinh tế - xã hội đạt được trong năm 2021 và tiếp tục duy trì triển vọng tích cực của nền kinh tế trong năm 2022 và những năm tiếp theo, củng cố niềm tin của người dân và cộng đồng doanh nghiệp vào sự lãnh đạo của Đảng và sự hiệu quả trong quản lý, điều hành của Chính phủ và chính quyền địa phương các cấp.

Cùng với những đột phá quan trọng về thể chế, các cơ quan, đơn vị cũng tích cực nghiên cứu, có giải pháp đổi mới phương thức làm việc, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, quyết liệt chuyển đổi số để nâng cao năng suất lao động, hiệu quả hoạt động của cơ quan nhà nước và đặc biệt là cải thiện chất lượng phục vụ nhân dân. Nhiều địa phương đã tích cực nghiên cứu, đánh giá và áp dụng, nhân rộng mô hình, sáng kiến hay về CCHC.

Các hoạt động thông tin, tuyên truyền CCHC ngày càng đa dạng, phong phú và thiết thực, truyền tải kịp thời, nhanh chóng những kết quả, chính sách mới về CCHC đến người dân, doanh nghiệp và xã hội. Công tác thanh tra, kiểm tra chuyên đề về CCHC có nhiều đổi mới, sáng tạo về phương thức, cách thức tổ chức thực hiện để nâng cao hiệu quả và phù hợp với tình hình mới.

Công tác tổ chức triển khai xác định Chỉ số CCHC năm 2021 đã có nhiều đổi mới, sáng tạo, phù hợp với đặc điểm, tình hình thực tiễn, giúp nâng cao tính khách quan, khoa học và chính xác trong đánh giá, xếp hạng. Năm 2021 là lần đầu tiên triển khai điều tra xã hội học các nhóm đối tượng phục vụ xác định Chỉ số CCHC được thực hiện trực tuyến trên phần mềm, gửi phiếu điện tử trực tiếp đến hộp thư điện tử của từng cá nhân đối tượng khảo sát, giúp tiết kiệm chi phí, giảm thời gian xử lý số liệu và nhất là nâng cao tính chính xác, khách quan, minh bạch trong triển khai. Việc khảo sát người dân, doanh nghiệp phục vụ xác định Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính tiếp tục được triển khai bài bản, khoa học, chuyên nghiệp và hiệu quả với sự tham gia thực hiện của tổ chức khảo sát độc lập là Tổng công ty Bưu điện Việt Nam, có sự giám sát, phúc tra đa chiều của các cơ quan, tổ chức, như: Bộ Nội vụ, Sở Nội vụ và các tổ chức chính trị - xã hội, giúp nâng cao tính khách quan, chính xác.

Kết quả Chỉ số CCHC hàng năm đã trở thành công cụ quản lý quan trọng, giúp xác định rõ ưu điểm, khuyết điểm trong thực hiện nhiệm vụ CCHC của từng bộ, tỉnh; đồng thời, cá thể hóa trách nhiệm đến từng cá nhân, tổ chức trong thực

hiện nhiệm vụ CCHC, góp phần nâng cao hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của người đứng đầu các bộ, ngành, địa phương và các cơ quan, đơn vị.

## **1.2. Một số tồn tại, hạn chế**

- Qua triển khai đánh giá, xác định Chỉ số CCHC, vẫn còn tồn tại một số ít các bộ, địa phương chưa thực hiện tốt việc tự đánh giá, chấm điểm; kết quả tự chấm điểm chưa đầy đủ tài liệu kiểm chứng, số liệu đánh giá chưa đúng với thực trạng tại bộ, tỉnh. Một trong những nguyên nhân chính là do một số bộ, địa phương chưa quan tâm đúng mức đến công tác triển khai các hoạt động theo dõi, đánh giá; sự phối hợp giữa các đơn vị, sở, ngành liên quan tại các bộ, địa phương chưa thực sự hiệu quả; số liệu tổng hợp không có sự liên thông, thiếu thống nhất.

- Qua xác định Chỉ số CCHC năm 2021 đã chỉ ra cụ thể những tồn tại, hạn chế trong công tác CCHC của các bộ, các tỉnh đó là:

+ Đối với các bộ: Một số nội dung, nhiệm vụ cải cách TTHC chưa thực hiện tốt tại các bộ, là nguyên nhân dẫn đến kết quả Chỉ số thành phần “Cải cách TTHC” giảm đáng kể so với năm 2020 (-3.76%); thực tế, vẫn còn một số bộ chưa thực hiện tốt việc công bố, công khai TTHC, không hoàn thành kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC và các đối tượng được khảo sát có đánh giá chưa cao về chất lượng TTHC thuộc phạm vi quản lý của một số bộ, cơ quan. Việc sắp xếp, kiện toàn chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy bên trong các bộ, cơ quan chưa đáp ứng yêu cầu. Một số nội dung về công vụ, công chức còn hạn chế, yếu kém, như: Đánh giá về chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức; tác động của CCHC đến chất lượng công chức, viên chức của bộ.

+ Đối với các địa phương: Một số địa phương xây dựng Kế hoạch CCHC năm chưa sát với thực tiễn, có nơi thực hiện còn hình thức, chưa đáp ứng yêu cầu đề ra. Về cải cách thể chế, tình trạng chậm xử lý các văn bản trái pháp luật vẫn còn chậm trễ ở một số địa phương; qua khảo sát cho thấy, tính khả thi của các văn bản pháp luật vẫn tiếp tục được đánh giá thấp bởi các đối tượng lãnh đạo, quản lý. Về cải cách TTHC, vẫn tồn tại tình trạng chậm công bố, công khai và cập nhật TTHC tại một số địa phương; thậm chí, một số tỉnh, thành phố vẫn còn công khai các quy định TTHC, các mẫu đơn, tờ khai tại văn bản đã hết hiệu lực thi hành, ít nhiều đã gây khó khăn cho người dân, doanh nghiệp khi tra cứu tìm hiểu và thực hiện TTHC; tình trạng trễ hẹn trong giải quyết hồ sơ vẫn còn tồn tại ở cả 3 cấp chính quyền tại hầu hết các địa phương và kéo dài trong nhiều năm, nhất là các lĩnh vực về đất đai, xây dựng, chính sách người có công,... Việc sắp xếp, tổ chức lại các cơ quan, đơn vị và kiện toàn chức năng, nhiệm vụ còn khá chậm ở một số địa phương; có nơi đã sắp xếp, kiện toàn nhưng chưa đáp ứng các tiêu chí thành lập tổ chức và cơ cấu công chức theo quy định của Chính phủ. Một số địa phương vẫn còn tình trạng bố trí công chức, viên chức không đúng với điều kiện, tiêu chuẩn tại vị trí việc làm đã phê duyệt; tình trạng vi phạm kỷ luật, kỷ cương hành

chính vẫn còn xảy ra, gây bức xúc trong dư luận, ảnh hưởng đến niềm tin của nhân dân và hình ảnh cơ quan nhà nước tại địa phương. Chất lượng, tiến độ giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước tại một số địa phương còn chậm; sai phạm trong quản lý, sử dụng tài chính ngân sách vẫn còn xảy ra ở các tỉnh, thành phố, đã được cơ quan có thẩm quyền kết luận và kiến nghị xử lý. Cung cấp dịch vụ công trực tuyến đã có chuyển biến rõ nét nhưng kết quả đạt được còn ở mức khiêm tốn; việc thực hiện áp dụng quy trình ISO ở một số địa phương còn hình thức, chưa cập nhật, cải tiến thường xuyên theo quy định.

## **2. Đề xuất, kiến nghị**

### **2.1. Với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ**

- Chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương bám sát tình hình, yêu cầu thực tiễn của cải cách hành chính để đề ra các giải pháp cụ thể tổ chức triển khai có hiệu quả công tác CCHC thuộc phạm vi quản lý, tạo đột phá trong cải cách hành chính năm 2022. Tiếp tục ưu tiên nguồn lực để thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách về hỗ trợ người dân, doanh nghiệp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương thường xuyên rà soát, tăng cường đổi mới, sáng tạo và mạnh dạn triển khai thí điểm, nhân rộng các mô hình cải cách mới, có tính đột phá để kịp thời tháo gỡ rào cản thể chế, cơ chế, chính sách, giúp phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, thúc đẩy phát triển kinh tế. Nghiên cứu, sử dụng có hiệu quả kết quả Chỉ số CCHC hàng năm trong công tác quản lý, điều hành và theo dõi, đánh giá và kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ CCHC của các cơ quan, đơn vị trực thuộc; quan tâm và có biện pháp cụ thể để khắc phục những hạn chế, yếu kém trong công tác CCHC, nhất là những hạn chế, bất cập diễn ra trong thời gian dài.

- Chỉ đạo các cơ quan thông tin, truyền thông tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền về mục tiêu, ý nghĩa, nội dung và kết quả CCHC tại các bộ, ngành, địa phương, nhất là các gương sáng điển hình, mô hình cải cách mới hay những giải pháp, sáng kiến cải cách có tính đột phá, mang lại hiệu quả thiết thực.

- Ưu tiên bố trí nguồn lực tài chính cho công tác cải cách hành chính, đặc biệt là trong những lĩnh vực trọng tâm, đột phá. Tăng cường công tác kiểm tra cải cách hành chính tại các bộ, ngành, địa phương.

### **2.2. Với các bộ, ngành và địa phương**

Trên cơ sở kết quả Chỉ số CCHC năm 2021 đã công bố, các bộ, tỉnh sớm tổ chức hội nghị rà soát, phân tích và đánh giá, rút kinh nghiệm về quá trình triển khai và kết quả Chỉ số CCHC năm 2021 theo từng lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần. Xác định rõ những tồn tại, hạn chế, ban hành các biện pháp khắc phục và nâng cao hiệu quả CCHC, năm 2022 cần tập trung thực hiện tốt các

nhiệm vụ trọng tâm sau:

- Chủ động, tích cực đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo điều hành thực hiện CCHC tại các cơ quan, đơn vị; bảo đảm hoàn thành tốt các chỉ tiêu, nhiệm vụ CCHC đã đề ra trong Kế hoạch năm; thường xuyên theo dõi, đánh giá, quán triệt thực hiện nhiệm vụ CCHC để kịp thời phát hiện và chỉ đạo xử lý những hạn chế, vướng mắc trong quá trình triển khai.

- Quan tâm bố trí đủ nguồn lực để triển khai các nhiệm vụ CCHC; chủ động nghiên cứu, thí điểm hoặc nhân rộng các mô hình cải cách mới có hiệu quả, phù hợp với phạm vi, thẩm quyền được giao và các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về CCHC.

- Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật theo hướng nâng cao tính đồng bộ, tính thống nhất và bảo đảm tính khả thi của các VBQPPL sau khi ban hành, đáp ứng yêu cầu đổi mới sáng tạo và phát triển của ngành, lĩnh vực và địa phương. Có giải pháp nâng cao hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và tổ chức thực thi pháp luật nghiêm minh. Tăng cường các biện pháp hiệu quả để đẩy nhanh tiến độ xây dựng, ban hành các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành các Luật, Pháp lệnh đã được cơ quan có thẩm quyền thông qua.

- Kịp thời công bố, công khai và cập nhật TTHC trên Cổng dịch công, Trang TTĐT của các cơ quan, đơn vị và tại Bộ phận Một cửa các cấp. Khắc phục ngay tình trạng niêm yết, đăng tải công khai các mẫu đơn, tờ khai hoặc các quy định TTHC đã hết hiệu lực thi hành, gây khó khăn cho người dân, tổ chức khi tra cứu và thực hiện TTHC. Tổ chức thực hiện tốt việc giải quyết hồ sơ TTHC, hướng đến giảm tỷ lệ hồ sơ trễ hạn, giảm thời gian đi lại và nâng cao sự hài lòng của người dân, tổ chức. Tăng cường kiểm tra, giám sát, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm những công chức, viên chức có hành vi nhũng nhiễu, tiêu cực, yêu cầu người dân, tổ chức nộp thêm các giấy tờ ngoài quy định khi giải quyết TTHC. Tiếp tục đổi mới thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC gắn với số hóa và sử dụng kết quả số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC; kịp thời giải quyết các PAKN về các quy định TTHC, tránh gây bức xúc, tạo dư luận không tốt trong nhân dân.

- Tăng cường rà soát, sắp xếp, tổ chức lại bộ máy các cơ quan hành chính, các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc, đáp ứng đầy đủ các tiêu chí theo quy định của Chính phủ. Đẩy mạnh phân cấp, giao quyền để giải phóng nguồn lực, đất đai, tài nguyên phục vụ cho phát triển, đảm bảo phù hợp với năng lực quản lý, điều hành của các cấp, các ngành và gắn kết chặt chẽ với thực hiện các chính sách tinh giản biên chế.

- Các bộ, cơ quan ngang bộ khẩn trương hoàn thiện ban hành các văn bản hướng dẫn về vị trí việc làm và định mức biên chế công chức theo quy định của Chính phủ. Các bộ, ngành, địa phương thường xuyên rà soát, hoàn thiện các nội

dung về vị trí việc làm của công chức, viên chức sau khi thực hiện cắt giảm, sắp xếp lại tổ chức bộ máy; đổi mới công tác tuyển dụng công chức, viên chức, bổ nhiệm, thi tuyển các chức danh lãnh đạo quản lý theo quy định của luật và công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức theo các quy định mới của Đảng; siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính trong thực thi nhiệm vụ, công vụ.

- Triển khai có hiệu quả quy định của Chính phủ về thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tại đơn vị sự nghiệp công lập; hoàn thiện cơ chế chính sách để chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần, bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả, tối đa hóa lợi ích của Nhà nước. Các bộ, ngành, địa phương triển khai đồng bộ các giải pháp để đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công, đảm bảo tiến độ theo kế hoạch đã phê duyệt. Tăng cường thanh tra, kiểm tra để kịp thời chấn chỉnh, xử lý những trường hợp sai phạm trong quản lý, sử dụng kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước.

- Ưu tiên nguồn lực, tập trung triển khai có hiệu quả các nhóm nhiệm vụ về xây dựng, phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số; tăng cường ứng dụng CNTT nhằm đổi mới căn bản phương thức làm việc của các cơ quan nhà nước, đảm bảo nâng cao năng suất, hiệu quả hoạt động của các cơ quan, đơn vị. Đẩy nhanh tiến độ việc xây dựng và triển khai có hiệu quả các cơ sở dữ liệu nền tảng, phục vụ phát triển CPĐT, Chính phủ số. Tổ chức vận hành có hiệu quả Cổng Dịch vụ công các cấp; tăng cường tích hợp các ứng dụng, tiện ích thông minh trên Cổng để tạo thuận lợi tối đa cho người dân, doanh nghiệp khi tiếp cận, giải quyết hồ sơ trực tuyến.

- Tích cực nghiên cứu, tìm kiếm và áp dụng, nhân rộng các mô hình, sáng kiến trong CCHC; biểu dương, khen thưởng kịp thời các tập thể, cá nhân điển hình làm tốt công tác CCHC. Đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền CCHC, nâng cao nhận thức, vai trò trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và sự đồng thuận xã hội về thực hiện công tác CCHC tại bộ, ngành, địa phương.

### **2.3. Với các tổ chức chính trị - xã hội**

- Tăng cường vai trò giám sát, phản biện xã hội đối với hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước, nhất là việc xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật; thực thi công vụ, nhiệm vụ của các cơ quan hành chính và đội ngũ công chức, viên chức.

- Phối hợp với cơ quan hành chính nhà nước các cấp, các cơ quan thông tin truyền thông trong việc tuyên truyền, vận động người dân, tổ chức chấp hành, tham gia, đồng thuận, ủng hộ các chủ trương, chính sách, mục tiêu CCHC nhà nước; nâng cao tinh thần trách nhiệm, tích cực tham gia ý kiến đánh giá đối với công tác CCHC của các bộ, ngành, địa phương, góp phần xây dựng nền hành chính dân chủ, chuyên nghiệp, hiện đại, phục vụ nhân dân./.